

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-11-2022
V/v tranh chấp xác định cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “tranh chấp xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị DTLA, sinh năm 1995; nơi ĐKKH: Tổ A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số D đường E, phường B, Quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh VVT, sinh năm 1984; nơi ĐKKH: Đội F, thôn G, xã H, huyện I, tỉnh Hải Dương; nơi ở: Số D đường E, phường B, Quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh SJS, sinh năm 1971; nơi cư trú: J, Seoul (Hàn Quốc); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin xác định cha cho con và bản tự khai, nguyên đơn là chị DTLA trình bày: Chị và anh SJS kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận C, thành phố Hải Phòng, Việt Nam vào ngày 28/3/2017. Tháng 06/2017, chị và anh SJS sang Hàn Quốc sống, vợ chồng chung

sống với nhau đến tháng 06/2018 thì chị bỏ ra ngoài sống, vợ chồng bắt đầu sống ly thân và không còn tình cảm với nhau nữa. Tháng 10/2018, chị có quen và chung sống như vợ chồng với anh VVT (anh VVT khi đó cũng đang ở Hàn Quốc). Đến năm 2019, chị và anh VVT về Việt Nam và sinh một cháu bé gái tên dự sinh là K, sinh ngày 05/01/2020 theo Giấy chứng sinh số 633, Quyền số 13/2020 và một cháu bé trai tên dự sinh là L, sinh ngày 17/02/2021 theo Giấy chứng sinh số 951, Quyền số 20/2021 của Bệnh viện M. Ngày 17/12/2020, Tòa án Gia đình Seoul, Hàn Quốc đã ra Phán quyết ly hôn giữa chị và anh SJS và đã được ghi chú ly hôn tại Ủy ban nhân dân Quận C, thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Nay, chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết xác định cháu K và cháu L do chị DTLA sinh ra là con của anh VVT.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 02 năm 2022, bị đơn là anh VVT trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị DTLA về việc xác định cha cho con. Anh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xác định cháu bé gái do chị DTLA sinh ra theo Giấy chứng sinh số 633, Quyền số 13/2020 ngày 05/01/2020 của Bệnh viện M với tên dự sinh là K, sinh ngày 05/01/2020 và một cháu bé trai do chị DTLA sinh ra theo Giấy chứng sinh số 951, Quyền số 20/2021 ngày 17/02/2021 của Bệnh viện M với tên dự sinh là L, sinh ngày 17/02/2021 đều là con đẻ của anh và chị DTLA.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn là chị DTLA giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là anh VVT đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị DTLA. Hai bên cùng đề nghị Hội đồng xét xử xác định: Cháu bé gái do chị DTLA sinh ra theo Giấy chứng sinh số 633, Quyền số 13/2020 ngày 05/01/2020 của Bệnh viện M với tên dự sinh là K, sinh ngày 05/01/2020 và cháu bé L, sinh ngày 05/01/2020 tại Kết quả xét nghiệm AND số 210505.18.1 ngày 05/5/2021 của Công ty cổ phần N đều là một con người và là con đẻ của chị DTLA và anh VVT. Cháu bé trai do chị DTLA sinh ra theo Giấy chứng sinh số 951, Quyền số 20/2021 ngày 17/02/2021 của Bệnh viện M với tên dự sinh là L, sinh ngày 17/02/2021 là con đẻ của của chị DTLA và anh VVT.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh SJS: Ngày 21/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Bản hồi đáp của anh SJS, theo đó anh trình bày: Anh SJS và chị DTLA đã đăng ký kết hôn tại thành phố Hải Phòng vào ngày 28/3/2017. Chị DTLA nhập cảnh vào Hàn Quốc vào tháng 6 năm 2017 để chung sống với anh; sau đó vào tháng 6 năm 2018 chị DTLA đã bỏ ra ngoài sống ly thân với anh. Hai con mà chị DTLA sinh ra hoàn toàn không phải là con của anh SJS. Anh SJS có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã đủ căn cứ để xác định cháu bé gái dự định đặt tên là K, sinh ngày 05/01/2020 và cháu trai với tên dự sinh là L, sinh ngày 17/02/2021 do chị DTLA sinh ra là con của anh VVT. Về án phí: Anh VVT phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp xác định cha cho con quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh SJS có địa chỉ tại Hàn Quốc. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102, khoản 2 Điều 123, khoản 2 Điều 128 của Luật Hôn nhân và Gia đình và căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa, anh SJS vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh SJS theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Căn cứ vào Giấy chứng sinh số 633, Quyền số 13/2020 ngày 05/01/2020 của Bệnh viện M đã cấp chứng sinh một bé gái với tên dự sinh là K, sinh ngày 05/01/2020 có ghi họ và tên mẹ đẻ là chị DTLA.

[4] Căn cứ vào Giấy chứng sinh số 951, Quyền số 20/2021 ngày 17/02/2021 của Bệnh viện M đã cấp chứng sinh một bé trai với tên dự sinh là L, sinh ngày 17/02/2021 có ghi họ và tên mẹ đẻ là chị DTLA.

[5] Căn cứ vào Kết quả giám định số 210505.18.1 ngày 05/5/2021 của Công ty Cổ phần N ứng dụng Việt Nam về giám định ADN giữa anh VVT và cháu bé gái sinh ngày 05/01/2020, Giấy chứng sinh số 633, Quyền số 13/2020 ngày 05/01/2020 của Bệnh viện M có ghi họ và tên mẹ đẻ là chị DTLA, cho kết quả: Anh VVT và cháu bé gái được lấy mẫu có quan hệ huyết thống cha - con (Độ tin cậy 99,99%).

[6] Căn cứ vào Kết quả giám định số 210505.18.2 ngày 05/5/2021 của Công ty Cổ phần N ứng dụng Việt Nam về giám định ADN giữa anh VVT và cháu bé trai sinh ngày 17/02/2021, Giấy chứng sinh số 951, Quyền số 20/2021 ngày

17/02/2021 của Bệnh viện M có ghi họ và tên mẹ đẻ là chị DTLA, cho kết quả: Anh VVT và cháu bé trai được lấy mẫu có quan hệ huyết thống cha - con (Độ tin cậy 99,99%).

[7] Từ những căn cứ phân tích nêu tại mục [3][4][5][6], có đủ căn cứ xác định:

[7.1] Cháu bé gái do chị DTLA sinh ra ngày 05/01/2020, có Giấy chứng sinh số 633, Quyền số 13/2020 ngày 05/01/2020 của Bệnh viện M là con chung của chị DTLA và anh VVT.

[7.2] Cháu bé trai do chị DTLA sinh ra ngày 17/02/2021, có Giấy chứng sinh số 951, Quyền số 20/2021 ngày 17/02/2021 của Bệnh viện M là con chung của chị DTLA và anh VVT.

[8] Căn cứ vào Điều 88, Điều 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị DTLA về việc xác định anh VVT là cha đẻ của hai cháu bé do chị DTLA sinh ra theo Giấy chứng sinh số 633, Quyền số 13/2020 ngày 05/01/2020 và Giấy chứng sinh số 951, Quyền số 20/2021 ngày 17/02/2021 của Bệnh viện M.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[9.1] Chị DTLA không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9.2] Anh VVT phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9.3] Anh SJS không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị DTLA tự nguyện chịu cả số tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Chị DTLA đã nộp đủ số tiền này theo Biên lai thu số 0000159 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 153; khoản 1 Điều 228; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102; khoản 2 Điều 123; khoản 2 Điều 128 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị DTLA:

- Công nhận anh VVT là cha đẻ của cháu bé gái sinh ngày 05/01/2020 do chị DTLA sinh ra theo Giấy chứng sinh số 633, Quyền số 13/2020 ngày 05/01/2020 của Bệnh viện M, ghi tên mẹ đẻ là chị DTLA.

- Công nhận anh VVT là cha đẻ của cháu bé trai sinh ngày 17/02/2021 do chị DTLA sinh ra theo Giấy chứng sinh số 951, Quyền số 20/2021 ngày 17/02/2021 của Bệnh viện M, ghi tên mẹ đẻ là chị DTLA.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị DTLA không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Anh SJS không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Anh VVT phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Chị DTLA tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Chị DTLA đã nộp đủ số tiền này theo Biên lai thu số 0000159 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị DTLA và anh VVT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh SJS được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thu Hằng